

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**LÊ QUỐC BE**

**PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT,  
QUA THỰC TIỄN THI HÀNH TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 0107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**ĐÀ NẴNG - NĂM 2020**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật – Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Ngọc Thanh Hà

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Duy Phương

Phản biện 2: PGS. TS Nguyễn Văn Cừ

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc 14 giờ 00 ngày 13 tháng 6 năm 2020

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Những đóng góp mới của Luận văn.....	5
7. Cấu trúc của Luận văn.....	5
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT</b> .....	7
1.1. Khái quát về xử lý chất thải sinh hoạt.....	7
1.1.1. Khái niệm chất thải sinh hoạt.....	7
1.1.2. Khái niệm về xử lý chất thải sinh hoạt.....	7
1.1.3. Các biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt .....	8
1.1.4. Sự cần thiết của việc xử lý chất thải .....	8
1.2. Khái quát pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt.....	10
1.2.1. Khái niệm về pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt.....	10
1.2.2. Những nguyên tắc về xử lý chất thải sinh hoạt.....	11
1.2.3. Vai trò của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt.....	11
1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt .....	12
1.3.1. Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân .....	12
1.3.2. Nhóm quy định về thu gom vận chuyển chất thải sinh hoạt.....	12
1.3.3. Quy định về xử lý chất thải sinh hoạt .....	12
1.3.4. Trách nhiệm nhà nước trong quản lý chất thải sinh hoạt.....	12
1.4. Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam .....	12
1.4.1. Kinh nghiệm về xử lý chất thải của một số nước trên thế giới.....	12
1.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam .....	12
Kết luận Chương 1 .....	12
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG</b> .....	13
2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt.....	13

2.1.1. Quy định phân loại, lưu giữ chất thải sinh hoạt.....	13
2.1.2. Quy định về thu gom vận, chuyển chất thải sinh hoạt.....	13
2.1.3. Quy định về xử lý chất thải sinh hoạt .....	13
2.1.4. Quy định về xử lý vi phạm hành chính.....	15
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng .....	15
2.2.1. Những tác động của chất thải sinh hoạt tại Đà Nẵng tới kinh tế, xã hội, con người và việc làm .....	15
2.2.2. Triển khai pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.....	15
2.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác xử lý chất thải sinh hoạt ..	15
2.2.4. Hoạt động xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố .....	15
2.2.4.1. Phân loại chất thải sinh hoạt, gồm 4 nhóm như sau: .....	15
2.2.4.2. Quy định chung các trang thiết bị lưu chứa CTSH tại nguồn.....	16
2.2.4.5. Quy trình xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố.....	16
2.2.4.6. Quy định về lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất rắn sinh hoạt .	16
2.3. Kết quả đạt được .....	16
Kết luận Chương 2 .....	17
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG ,GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>	<b>18</b>
3.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt .....	18
3.1.1. Tồn tại, hạn chế từ thực tiễn thực hiện pháp luật.....	18
3.1.2. Nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế .....	19
3.2. Định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	20
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ..	20
3.3.1. Giải pháp chung .....	20
3.3.2. Đề xuất và giải pháp đối với thành phố Đà Nẵng.....	21
Kết luận Chương 3 .....	23
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>24</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chất thải sinh hoạt sinh ra từ hoạt động hàng ngày của con người. Chất sinh hoạt thải ra ở mọi nơi mọi lúc trong phạm vi thành phố hoặc khu dân cư, từ các hộ gia đình, khu thương mại, chợ và các tụ điểm buôn bán, nhà hàng, khách sạn, công viên, khu vui chơi, giải trí, các viện nghiên cứu, trường học, các cơ quan nhà nước... Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội và sự gia tăng dân số không ngừng tại Việt Nam đã khiến cho chất thải sinh hoạt ngày càng tăng, làm cho môi trường sống bị ô nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Chất thải sinh hoạt ảnh hưởng rất lớn đến cả nguồn nước mặt và nước ngầm. Chất thải có thể do người dân đổ trực tiếp hoặc bị cuốn trôi theo nước mưa xuống sông, ao hồ, cống rãnh... Lượng chất thải này sau khi bị phân huỷ sẽ tác động trực tiếp và gián tiếp đến chất lượng nước mặt, nước ngầm trong khu vực. Lâu dần lượng rác nhiều lên, sẽ làm giảm diện tích ao, hồ giảm khả năng tự làm sạch của nước (do hệ sinh thái trong nước bị hủy diệt), gây cản trở các dòng chảy, tắc cống rãnh thoát nước, làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm, gây ra các bệnh nguy hiểm.

Trong thành phần chất thải có chứa nhiều chất độc, khi chất thải được đưa vào môi trường và không được xử lý khoa học thì những chất độc xâm nhập vào đất sẽ tiêu diệt nhiều loài sinh vật có ích cho đất, làm cho môi trường đất bị giảm tính đa dạng sinh học và phát sinh nhiều sâu bọ phá hoại cây trồng. Đặc biệt hiện nay, chúng ta đang sử dụng tràn lan các loại túi nilon trong sinh hoạt hằng ngày. Các túi nilon này cần tới 50-60 năm mới phân huỷ trong đất.

Trong chất thải sinh hoạt, thường hàm lượng hữu cơ chiếm tỷ lệ lớn. Các loại chất thải hữu cơ dễ phân huỷ gây hôi thối, phát triển vi khuẩn gây hại làm ô nhiễm, mất vệ sinh môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe. Khu tập trung chất thải là nơi thu hút, phát sinh và phát triển chuột, ruồi, muỗi, gián, các loại vi trùng gây nhiều chứng bệnh truyền nhiễm cho con người, vật nuôi trong gia đình. Chất thải không được thu gom, tồn đọng trong không khí, lâu ngày sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của những người sống xung quanh. Những người sống gần bãi rác hoặc tiếp xúc thường xuyên với rác

như những người làm công việc thu nhặt các phế liệu từ bãi rác, dễ mắc các bệnh như viêm phổi, sốt rét, các bệnh về mắt, tai, mũi họng, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa... Đặc biệt, các bãi rác công cộng là nguồn mang dịch bệnh. Trong các bãi rác, vi khuẩn thương hàn các loại vi trùng gây bệnh trong rác thải càng trở nên nguy hiểm khi có các vật chủ trung gian gây bệnh tồn tại trong các bãi rác như những ổ chuột, ổ ruồi, muỗi... Một số bệnh điển hình do các vật chủ trung gian truyền bệnh như: chuột truyền bệnh dịch hạch, bệnh sốt vàng da do xoắn trùng; ruồi, gián truyền bệnh đường tiêu hoá; muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết... Để bảo vệ sức khỏe của bản thân, cộng đồng cũng như làm cho môi trường sống không bị ô nhiễm bởi rác thải, mỗi người dân hãy nêu cao ý thức bảo vệ môi trường từ những hành động nhỏ hằng ngày. Hiện nay, các hoạt động xử lý chất thải sinh hoạt của thành phố còn nhiều bất cập, các quy định của pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt thông thường còn nhiều hạn chế, chưa đầy đủ gây ra rất nhiều khó khăn cho các chủ thể trong quá trình xử lý. Vì thế, việc hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt là một nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

Hiện nay, chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khoảng 1.000 tấn/ngày. Những năm gần đây, lượng chất thải này trung bình của thành phố tăng nhanh cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Theo kết quả nghiên cứu của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), dự báo lượng chất thải rắn của thành phố đến năm 2025 khoảng trên 1.800 tấn/ngày; đến năm 2030 khoảng trên 2.400 tấn/ngày và đến năm 2040 khoảng trên 3.000 tấn/ngày. Hầu hết, chất thải sinh hoạt phát sinh của thành phố đang được chôn lấp tại bãi rác Khánh Sơn, vừa lãng phí tài nguyên vừa làm tăng nhu cầu bố trí diện tích chôn lấp, hình thành điểm nóng về ô nhiễm môi trường kéo dài nhiều năm. Đồng thời, chi phí thu gom và xử lý chất thải cũng tăng theo, đặc biệt chi phí xử lý lượng nước rỉ rác, mùi hôi, khí thải phát sinh từ bãi chôn lấp.... Chính vì các nguyên nhân trên nên tôi quyết định lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt, qua thực tiễn thi hành tại thành phố Đà Nẵng”*** làm luận văn thạc sĩ Luật kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Vấn đề chất thải nói chung và chất thải sinh hoạt nói riêng đang được Nhà nước và các cơ quan tổ chức quan tâm. Nên trong thời gian qua đã có rất nhiều các nhà nghiên cứu khoa học quan tâm. Trong đó, có các đề tài nghiên cứu về hiện trạng, quy hoạch và công nghệ xử lý chất thải như sau:

- Đề tài: “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng chất thải rắn. Đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2010” của Th.S Nguyễn Văn Phước.

- Một số Luận án Tiến sĩ về quản lý chất thải: Nguyễn Văn Phương, *Pháp luật môi trường Việt Nam về nhập khẩu phế liệu năm 2007*; Vũ Thị Duyên Thủy, *Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại năm 2009*. Bên cạnh đó còn có khoá luận tốt nghiệp của các sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội: Phạm Thị Liễu, *Đánh giá các quy định của pháp luật về quản lý chất thải năm 2008*. Sách “*Sinh thái học và bảo vệ môi trường*”, Nhà xuất bản Xây dựng, 1999, do tác giả Nguyễn Thị Kim Thái và Lê Hiền Thảo làm chủ biên. Cuốn sách đưa ra kiến thức cơ bản và ứng dụng của sinh thái học trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường. Các nguyên nhân và bản chất của ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, ô nhiễm nhiệt, ảnh hưởng của ô nhiễm tới chất lượng môi trường sống và sức khoẻ cộng đồng.

- Luận án Tiến sĩ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam*” của nghiên cứu sinh Nguyễn Thị Tố Uyên, 2013. Luận án đã nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Thực trạng pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay*” của tác giả Nguyễn Văn Hùng, 2011. Luận văn nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận của việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam. Đề xuất một số phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng và thực tiễn pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường bền vững.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận văn có nhiệm vụ sau:

*Thứ nhất*, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về xử lý chất thải sinh hoạt như: khái niệm cơ bản về chất thải sinh hoạt, xử lý chất thải sinh hoạt, đặc điểm về xử lý chất thải sinh hoạt; nghiên cứu nhu cầu điều chỉnh pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt;

*Thứ hai*, nghiên cứu và phân tích thực trạng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt, đánh giá những ưu điểm và hạn chế bất cập còn tồn tại;

*Thứ ba*, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng để tìm ra những khó khăn, vướng mắc để từ đó phân tích nguyên nhân của tình trạng này;

*Cuối cùng*, Luận văn đề xuất định hướng và các giải pháp hoàn thiện, cơ chế thực hiện pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt và thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Không gian: Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt là một phạm trù nghiên cứu rộng, vì vậy Luận văn không thể nghiên cứu hoạt động xử lý của tất cả các loại chất thải hiện nay, cũng không đi sâu nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn của xử lý chất thải mà chủ yếu đề cập đến các vấn đề pháp lý liên quan đến xử lý rác thải sinh hoạt.

Địa bàn nghiên cứu: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Thời gian: Số liệu nghiên cứu từ năm 2014 – 2019.



## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp luận**

Luận văn dựa trên phương pháp luận các quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng; chính sách pháp luật Nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải sinh hoạt nói riêng.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để giải quyết các vấn đề do đề tài đặt ra, người viết luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát thực tiễn và đánh giá, phương pháp phân tích....Cụ thể, như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn khi nghiên cứu các vấn đề lý luận về xử lý chất thải sinh hoạt, đánh giá thực trạng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt và thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu liên quan đến xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp chứng minh được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt, thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.

- Phương pháp tổng hợp, quy nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những nhận định, kết luận của từng chương và kết luận chung của luận văn.

## **6. Những đóng góp mới của Luận văn**

Luận văn là công trình khoa học có ý nghĩa nhất định trong việc làm rõ các vấn đề lý luận, thực tiễn áp dụng pháp luật và các giải pháp, phương hướng trong thời gian tới.

Các kết quả nghiên cứu của Luận văn này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về Luật Kinh tế.

Một số đề xuất, kiến nghị của Luận văn có giá trị tham khảo đối với các cơ quan xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt hiện nay.

## **7. Cấu trúc của Luận văn**

Kết cấu của Luận văn gồm 3 Chương như sau:

*Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt.*

*Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.*

*Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng.*

# Chương 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT

### 1.1. Khái quát về xử lý chất thải sinh hoạt

#### 1.1.1. Khái niệm chất thải sinh hoạt

Chất thải là vật chất được thải ra từ, sinh hoạt hoặc hoạt động trong cuộc sống hàng ngày gồm các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như vỏ rau củ quả, thức ăn thừa, lá cây, xác động vật... chất thải có khả năng tái chế như giấy, túi ni lông ..., các chất còn lại như đồ sành sứ, gốm vỡ, vải sợi cũ ..và các chất thải nguy hại như pin, ắc qui, bóng đèn..

Khoản 1, 3 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu quy định về phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt quy định:

*Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.*”. Chất thải rắn sinh hoạt là chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt cá nhân, các khu nhà ở (biệt thự, hộ gia đình riêng lẻ, chung cư, ...), khu thương mại và dịch vụ (cửa hàng, chợ, siêu thị, quán ăn, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, trạm dịch vụ, ...), khu cơ quan (trường học, viện và trung tâm nghiên cứu, các cơ quan hành chính nhà nước, văn phòng công ty, nhà tù, ...), từ các hoạt động dịch vụ công cộng (quét dọn và vệ sinh đường phố, công viên, khu giải trí, tía cây xanh,...), từ sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh, ...) của các cơ sở y tế (phòng khám, trung tâm đa khoa, bệnh viện không lây nhiễm, ...), từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân (văn phòng, căn tin, nhà ăn, nhà vệ sinh, ...) trong các cơ sở công nghiệp (khu công nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất vừa và nhỏ).

#### 1.1.2. Khái niệm về xử lý chất thải sinh hoạt

Xử lý chất thải sinh hoạt là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và những chủ thể có liên quan nhằm thực hiện công tác xử lý chất thải sinh hoạt thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tế để đáp ứng cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đi cùng với xu hướng phát triển và hội nhập, đồng thời, xử lý chất thải sinh hoạt nhằm

từng bước được thay đổi, tăng cường để phát huy hơn nữa vai trò và hiệu quả thực hiện.

Khoản 16 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu quy định về phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt quy định: Xử lý chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

Xử lý chất thải là phân loại các loại chất thải trên để áp dụng biện pháp công nghệ xử lý thích hợp như chôn lấp, tái chế, thiêu hủy nhằm mục đích tránh cho số lượng liên tục đào thải này tồn đọng gây ô nhiễm cho môi trường sống của con người, tạo dịch bệnh, ...

### ***1.1.3. Các biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt***

Chất thải sinh hoạt phải được xử lý theo quy định. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

- Công nghệ chế biến phân hữu cơ
- Công nghệ đốt
- Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh
- Các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt
- Các công nghệ khác thân thiện với môi trường

### ***1.1.4. Sự cần thiết của việc xử lý chất thải***

Với vai trò quan trọng là thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc một vùng lãnh thổ nhất định, do vậy, đô thị luôn vận động và phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình hình thành, vận động và phát triển đó, rất nhiều nơi ở Việt Nam đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường, nhất là khi đô thị hóa được đẩy mạnh với tốc độ cao và phá vỡ quy hoạch thì ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng không kiểm soát được.

Ô nhiễm môi trường được hiểu là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật. Trong đó, thành phần môi trường là các yếu tố vật chất tạo thành môi trường như

đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng và các yếu tố vật chất khác, là các yếu tố cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của con người.

Xử lý chất thải là phương thức hữu hiệu được sử dụng để ngăn ngừa, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường sống xung quanh. Vai trò này được thể hiện thông qua các quy định mang tính bắt buộc về bảo vệ môi trường như: Địa điểm phải có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư; đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường tại đô thị những quy định của pháp luật nhằm làm ngăn ngừa và hạn chế những tác động xấu đối với môi trường đô thị, ứng phó sự cố môi trường. Vì đây là những yêu cầu phải tuân thủ trong suốt quá trình phát triển, nó phải được đảm bảo tuân thủ trước, trong và sau khi môi trường bị ô nhiễm. thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các yêu cầu này góp phần hạn chế, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh một cách hiệu quả.

Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định các chế tài được áp dụng cho các chủ thể khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đô thị như trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, nhằm trừng trị những người vi phạm, đồng thời răn đe các tổ chức, cá nhân không thực hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường đô thị.

Xử lý chất thải là phương thức để khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường đô thị thông qua các quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường tại đô thị như: Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về xử lý chất thải nói riêng và bảo vệ môi trường đô thị (việc thực hiện quy chuẩn quốc gia về chất lượng vệ sinh môi trường tại các đô thị; việc báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược liên quan đến môi trường đô thị; hoạt động quan trắc môi trường tại đô thị...); các hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đô thị như thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định, xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải; tham gia hoạt động

vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường đô thị; thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hương ước, bản cam kết bảo vệ môi trường.

Xử lý chất thải sinh hoạt để bảo vệ môi trường đô thị còn là phương thức pháp lý hữu hiệu trong việc bảo vệ cảnh quan môi trường đô thị. Điều này được hiểu là pháp luật quy định các nội dung, yêu cầu trong việc quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị như quy hoạch đô thị phải được thiết kế theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, tận dụng địa hình, cây xanh, mặt nước và điều kiện thiên nhiên nơi quy hoạch nhằm làm cho cảnh quan môi trường hợp lý; nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường gồm các hệ thống công trình hình thành nên cảnh quan môi trường như hệ thống cây xanh, hệ thống công viên, khu vui chơi, giải trí, công trình vệ sinh công cộng, khu vực mai táng. Bên cạnh đó pháp luật còn quy định cụ thể yêu cầu về cảnh quan đô thị đối với bảo vệ môi trường đô thị như đối với khu vực cảnh quan gắn với di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu vực bảo tồn quốc gia, của địa phương thì chính quyền địa phương phải phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức, nghiên cứu, khẳng định giá trị khoa học trước khi đề xuất giải pháp, lập quy chế bảo tồn và khai thác.

Tổ chức thực hiện xử lý chất thải góp phần phát triển bền vững giữa kinh tế, xã hội, ổn định môi trường sinh thái và bảo đảm cho một tổ chức liên kết không gian chặt chẽ giữa đô thị - nông thôn, xóa bỏ dần sự cách biệt giữa nông thôn và đô thị. Trong quá trình tổ chức sẽ góp phần phát triển cân đối ba môi trường: ở - làm việc - nghỉ ngơi. Phát triển bền vững về dân cư, sử dụng đất, tránh tác động ô nhiễm môi trường, hủy hoại sinh thái tự nhiên.

Tổ chức thực hiện về xử lý chất thải sinh hoạt tạo nên sự liên kết hữu cơ giữa kinh tế đô thị, văn hóa xã hội đô thị, môi trường - sinh thái đô thị, cơ sở hạ tầng và quản lý và điều hành xã hội.

## **1.2. Khái quát pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt**

### ***1.2.1. Khái niệm về pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt***

Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt là một hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể phát sinh chất thải sinh hoạt với cơ quan xử lý và cơ quan nhà nước để thực hiện liên tục các hoạt động phân loại, thu gom, vận

chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy chất thải sinh hoạt và xử lý các hành vi vi phạm nhằm bảo vệ, tái tạo môi trường và bảo đảm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

### ***1.2.2. Những nguyên tắc về xử lý chất thải sinh hoạt***

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; sản xuất sạch hơn; kiểm toán môi trường đối với chất thải và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải.

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan.

- Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

### ***1.2.3. Vai trò của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt***

Thực tế đã chứng minh, pháp luật với tư cách là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội, luôn có tác động và ảnh hưởng rất mạnh mẽ tới các quan hệ xã hội, cụ thể:

- Pháp luật về xử lý chất thải có vai trò quan trọng khi đặt ra những quy định cho các chủ thể phát thải chất thải, quy định các loại phí giúp cho các chủ thể có quyền dễ thực hiện trong việc thu lệ phí đối với các chủ thể xả, thải chất thải; quy định rõ cách thức thu gom, phân loại, giảm thiểu, tái chế, xử lý chất thải;

- Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại ngày nay, nó góp phần không nhỏ trong việc làm trong sạch môi trường, phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Dần dần góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân để đảm bảo cho họ được hưởng quyền sống trong môi trường không ô nhiễm.

- Phân loại, tái chế, tái sử dụng rác thải và sản xuất sản phẩm thân thiện từ rác thải đã được định hướng trong các chương trình, kế hoạch chiến lược, tạo thuận lợi cho địa phương có kế hoạch tổ chức thực hiện.

### **1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt**

*1.3.1. Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân*

*1.3.2. Nhóm quy định về thu gom vận chuyển chất thải sinh hoạt*

*1.3.3. Quy định về xử lý chất thải sinh hoạt*

*1.3.4. Trách nhiệm nhà nước trong quản lý chất thải sinh hoạt*

**1.4. Pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

*1.4.1. Kinh nghiệm về xử lý chất thải của một số nước trên thế giới*

*1.4.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam*

## **Kết luận Chương 1**

Cùng với sự gia tăng dân số mạnh mẽ và sự hình thành, phát triển vượt bậc của các ngành nghề sản xuất trong thời gian qua, chất thải rắn tăng nhanh chóng về số lượng, với thành phần ngày càng phức tạp đã và đang gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý. Tại Chương 1 đã phân tích và xây dựng các khái niệm mới về xử lý rác thải sinh hoạt, pháp luật xử lý rác thải sinh hoạt và thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt; đồng thời, phân tích nội dung của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt cũng như đánh giá vai trò của các quy định của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt trong công tác thực hiện pháp luật về xử lý chất thải nói chung và xử lý chất thải sinh hoạt nói riêng trên phạm vi cả nước và đặc biệt là trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; từ đó, làm cơ sở lý luận cho việc phân tích làm rõ thực trạng thi hành pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố tại Chương 2.



## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt

#### 2.1.1. Quy định phân loại, lưu giữ chất thải sinh hoạt

*Pháp luật quy định* phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý thành các nhóm như sau:

- a) Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật);
- b) Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh);
- c) Nhóm còn lại.<sup>1</sup>

#### 2.1.2. Quy định về thu gom vận, chuyển chất thải sinh hoạt

Quá trình thu gom và vận chuyển CTSH từ các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, nơi công cộng đến các điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển (gọi chung là thu gom CTSH tại nguồn) phải tuân thủ quy định theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015<sup>2</sup> và Quy trình kỹ thuật thu gom CTSH tại nguồn do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành và các quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố về phân loại chất thải rắn tại nguồn.

#### 2.1.3. Quy định về xử lý chất thải sinh hoạt

- Tùy theo công nghệ áp dụng, chi phí xử lý sẽ khác nhau. Có công nghệ xử lý với chi phí thấp nhưng trong quá trình xử lý lại phát sinh ra ô nhiễm thứ cấp. Có công nghệ xử lý hiện đại, chi phí vận hành cao nhưng xử lý an toàn, không gây mùi, không phát sinh ô nhiễm thứ cấp. Tuy nhiên, việc quản lý chất thải rắn làm sao cho hiệu quả,

---

<sup>1</sup> Điều 15, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

<sup>2</sup> Điều 17. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

hạn chế phát sinh chất thải, tái sử dụng và tái chế chất thải và phải phù hợp với Nghị định số 38/2015/NĐ-CP<sup>3</sup>; Thông tư số 36/2015/TT-BTNM

- Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và đấu thầu; còn việc lựa chọn chủ XLCTSH để quản lý, vận hành cơ sở XLCTSH được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích. Trường hợp cơ sở XLCTSH được đầu tư ngoài ngân sách, thì chủ đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở XLCTSH do mình đầu tư hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác làm chủ XLCTSH theo các quy định của pháp luật<sup>4</sup>. Đây là những quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2015.

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP cũng quy định cụ thể trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ XLCTSH là phải xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trình cơ quan có thẩm quyền<sup>5</sup>. Trường hợp sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, chủ đầu tư, chủ XLCTSH phải trình phương án cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp. Ngay sau khi đóng bãi chôn lấp, chủ đầu tư, chủ XLCTSH phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường và cảnh quan...; tổ chức giám sát môi trường định kỳ, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp ít nhất 5 năm kể từ ngày đóng bãi chôn lấp...

- Về trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt giá dịch vụ XLCTSH, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định, đối với cơ sở XLCTSH được đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn một tỉnh, UBND cấp tỉnh giao các sở chuyên ngành lập phương án giá gửi Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt. Đối

---

<sup>3</sup> Quy trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được quy định từ Điều 19 đến Điều 23 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

<sup>4</sup> Điều 20. Lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

<sup>5</sup> Điều 23. Cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

với cơ sở XLCTSH được đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập và trình phương án giá, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt. Còn đối với các dự án xử lý chất thải liên vùng, liên tỉnh, chủ đầu tư lập phương án giá gửi Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Điều 21.

#### ***2.1.4. Quy định về xử lý vi phạm hành chính***

Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chỉ quy định hình thức xử phạt, mức xử phạt đối với các hành vi sau: (1) vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng và (2) hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị, (3) trường hợp không lưu giữ CTSH theo quy định; thải bỏ CTSH không đúng nơi quy định; không ký hợp đồng cung ứng thu gom CTSH tại nguồn hoặc không chuyển giao CTSH theo đúng quy định.

### **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng**

#### ***2.2.1. Những tác động của chất thải sinh hoạt tại Đà Nẵng tới kinh tế, xã hội, con người và việc làm***

#### ***2.2.2. Triển khai pháp luật xử lý chất thải sinh hoạt tại thành phố Đà Nẵng***

#### ***2.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác xử lý chất thải sinh hoạt***

#### ***2.2.4. Hoạt động xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố***

##### ***2.2.4.1. Phân loại chất thải sinh hoạt, gồm 4 nhóm<sup>6</sup> như sau:***

***a) Nhóm CTSH tái sử dụng, tái chế (Rác tái chế):***

***b) Nhóm CTSH nguy hại từ hộ gia đình***

***c) Nhóm CTSH còn lại: không bao gồm các loại có thành phần trên***

---

<sup>6</sup> Quyết định số 1577/QĐ-UBND, ngày 11/4/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Kế hoạch triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các quận, huyện lập danh mục chi tiết tên nhóm CTSH còn lại, cung cấp thông tin đến người dân, chủ nguồn thải để thực hiện tốt công tác phân loại tại nguồn.

*d) Nhóm CTSH kích thước lớn và chất thải xây dựng của hộ gia đình:* được quy định và hướng dẫn riêng.

*2.2.4.2. Quy định chung các trang thiết bị lưu chứa CTSH tại nguồn*

*a) Thiết bị lưu chứa CTSH tái chế*

*b) Thiết bị lưu chứa CTSH nguy hại*

*c) Thiết bị lưu chứa CTSH còn lại*

*2.2.4.3. Quy định chung các phương tiện thu gom, vận chuyển CTSH tại nguồn*

*2.2.4.4. Quy định chung các phương án thu gom, vận chuyển CTSH tại nguồn*

*a) Thu gom, vận chuyển CTSH tái chế*

*b) Thu gom, vận chuyển và xử lý CTSH nguy hại:*

*c) Thu gom, vận chuyển và xử lý CTSH còn lại:*

*d) Các phương thức thu gom, vận chuyển:*

*2.2.4.5. Quy trình xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố*

*2.2.4.6. Quy định về lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

*2.2.4.6.1. Tư cách hợp lệ của Nhà đầu tư*

*2.2.4.6.2. Các chỉ số về tiêu chuẩn của chủ đầu tư*

### **2.3. Kết quả đạt được**

(1) Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt của thành phố đã kịp thời phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực quản lý chất thải sinh hoạt, bám sát vào nhu cầu thực tế của địa phương và nội dung phân cấp, phân quyền tại các văn bản của Trung ương.

Các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố được ban hành đúng pháp luật, có tính khả thi cao, góp phần quan trọng vào việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(2) Công tác thu gom, xử lý chất thải là tương đối tốt, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tăng dần qua các năm, năm 2019 đạt 96%, tỷ lệ rác tài nguyên được phân tách có dấu hiệu khả quan ở các vùng thí điểm.

(3) Công tác tuyên truyền được triển khai thường xuyên, đa dạng về hình thức, chất lượng đã mang lại kết quả tích cực trong việc nâng cao nhận thức của người dân,

đặc biệt là hộ gia đình, các tiểu thương, hộ kinh doanh trong chợ và các khu siêu thị, trung tâm thương mại, góp phần hạn chế việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy và lượng túi ni lông thải ra môi trường. Hiện nay, chưa có số liệu thống kê chính xác về số lượng túi ni lông (túi ni lông khó phân hủy và túi ni lông thân thiện môi trường) được sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ dân sinh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, công tác thu gom, xử lý túi ni lông được gộp chung với các loại rác thải khác nên khó xác định khối lượng túi ni lông đã thu gom, xử lý.

(4) Tỷ lệ hộ dân tuân thủ về giá dịch vụ thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là rất cao. Phần lớn nhân dân có ý thức và thực hiện đúng giờ, gom rác theo hướng dẫn; Ý thức cao trong chấp hành chủ trương, chính sách của thành phố, nhân dân đồng thuận với “Thu gom rác theo giờ”, “Phân loại rác tài nguyên tái chế”. Đặc biệt ý thức của người dân trong việc tham gia Phong trào bảo vệ môi trường, Phong trào Ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp, điển hình qua công tác vệ sinh môi trường hưởng ứng Tuần lễ cấp cao APEC 2017 và các sự kiện quốc tế quan trọng khác.

(5) Số vụ, việc xử lý vi phạm hành chính quy định về vệ sinh nơi công cộng; thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, xử lý, thải rác thải sinh hoạt có xu hướng giảm rõ rệt trong thời gian gần đây.

## **Kết luận Chương 2**

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, từng cá nhân phải nhận thức được trách nhiệm và cùng chung tay bảo vệ môi trường, mới có thể tạo ra chuyển biến tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác quản lý chất thải nói riêng, tiến tới từng bước ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, công tác quản lý, xử lý chất thải rắn thời gian qua chưa được áp dụng theo phương thức quản lý tổng hợp, chưa chú trọng đến các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải dẫn đến khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp cao, không tiết kiệm quỹ đất, tại nhiều khu vực chất thải chôn lấp ở các bãi chôn lấp tạm, lộ thiên, hiện đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Hiệu quả đạt được trong công tác quản lý, xử lý chất thải có những hạn chế nhất định đồng thời việc xử lý chất thải rắn không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đã gây những tác động tổng hợp tới môi trường, sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế – xã hội.

### Chương 3

## ĐỊNH HƯỚNG ,GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

### 3.1. Sự cần thiết hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt

#### 3.1.1. Tồn tại, hạn chế từ thực tiễn thực hiện pháp luật

- Đầu tư cho quản lý, xử lý chất thải rắn còn chưa tương xứng, nhiều công trình xử lý chất thải rắn đã được xây dựng và vận hành nhưng cơ sở vật chất, năng lực và hiệu suất xử lý thải rắn chưa đạt yêu cầu.

- Các nhiệm vụ về công tác quản lý chất thải rắn trên toàn địa bàn là rất lớn phức tạp, không có bộ máy riêng để thực thi hiệu quả. Các hướng dẫn về lập dự toán đặt hàng vệ sinh thiếu các quy định về thuê tư vấn thẩm định dự toán, thuê tư vấn giám sát...Do vậy, việc giám sát ở các địa phương còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả thực hiện dịch vụ thấp.

- Nhân lực quản lý nhà nước ở cấp quận, huyện, phường, xã còn rất mỏng để tăng cường giám sát việc thu gom, vận chuyển và vệ sinh môi trường do đơn vị dịch vụ thực hiện.

- Các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa hiện nay vẫn gây ô nhiễm môi trường (do trước đây các bãi rác này không được thiết kế bãi chôn lấp hợp vệ sinh). Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có quy định về bảo vệ môi trường đối với các bãi chôn lấp này.

- Thiếu các chính sách đột phá để thu hút nguồn lực xã hội một cách mạnh mẽ.

- Hiện nay, một số các chỉ tiêu về chất thải rắn đề ra của thành phố là chưa phù hợp với thực tế như Đề án “Xây dựng Đà Nẵng thành phố môi trường” thì mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ tái chế chất thải là hơn 70%. Tuy nhiên, hiện nay tỷ lệ tái chế đạt khoảng 10%.

- UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành giá cho dịch vụ thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt (Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017), giá cho

dịch vụ xử lý rác sinh hoạt tại khu chôn lấp thành phố (Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 16/11/2017). Tuy nhiên, kinh phí thu theo giá đối với chủ nguồn thải trên địa bàn hiện còn thấp (theo hộ gia đình) chỉ đủ để bù công tác thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt, còn dịch vụ xử lý chôn lấp tại bãi rác, UBND thành phố phải bù bằng ngân sách thành phố theo khối lượng xử lý.

### ***3.1.2. Nguyên nhân của những tồn tại và hạn chế***

- Cơ chế quản lý hiện nay đối với đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường là chưa rõ; 01 đơn vị thực hiện theo hình thức đặt hàng thì chưa tạo sự cạnh tranh để đảm bảo chất lượng dịch vụ. Thiếu cơ sở chế cụ thể để nhân dân tham gia quá trình giám sát thực hiện.

- Ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế, dẫn đến tình trạng xả thải ngoài hệ thống, ảnh hưởng đến môi trường và hoạt động dân sinh.

- Chưa xác định rõ đơn vị đầu mối quản lý chất thải rắn ở cấp Trung ương (Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ). Vì vậy, ở địa phương, công tác quản lý chất thải rắn cũng tương tự. Do đó, sẽ những chông chéo trong việc triển khai các chương trình quản lý chất thải rắn cũng như các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ, nhiều văn bản chông chéo và thay đổi; một số văn bản ban hành chậm nên việc áp dụng các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường vào thực tế gặp nhiều khó khăn;

- Thiếu các chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực xử lý chất thải; thiếu nguồn vốn đầu tư cho các công trình xử lý rác thải.

- Đầu tư cho quản lý, xử lý chất thải rắn còn chưa tương xứng, nhiều công trình xử lý chất thải rắn đã được xây dựng và vận hành nhưng cơ sở vật chất, năng lực và hiệu suất xử lý thải rắn chưa đạt yêu cầu.

- Các nhiệm vụ về công tác quản lý chất thải rắn trên toàn địa bàn là rất lớn phức tạp, không có bộ máy riêng để thực thi hiệu quả. Các hướng dẫn về lập dự toán đặt hàng vệ sinh thiếu các quy định về thuê tư vấn thẩm định dự toán, thuê tư vấn giám sát...Do vậy, việc giám sát ở các địa phương còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả thực hiện dịch vụ thấp.

- Nhân lực quản lý nhà nước ở cấp quận, huyện, phường, xã còn rất mỏng để tăng cường giám sát việc thu gom, vận chuyển và vệ sinh môi trường do đơn vị dịch vụ thực hiện.

- Nguồn vốn đầu tư hạ tầng phục vụ công tác quản lý chất thải luôn là một thách thức với thành phố. Kinh phí đầu tư phục vụ cho quản lý chất thải khá lớn, tuy nhiên hầu hết nguồn vốn này được sử dụng từ ngân sách của thành phố hoặc vốn vay ODA. Thời gian qua, nguồn kinh phí từ trung ương vẫn chưa được phân bổ cho hoạt động này.

### **3.2. Định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*Đầu tiên*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xử lý chất thải sinh hoạt; xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ về quản lý chất thải rắn.

*Thứ hai*, tiếp tục triển khai thi hành hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và các văn bản hướng dẫn thi hành; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, khu dân cư... có điều kiện thực thi các quy định của pháp luật trên thực tế.

*Thứ ba*, kiểm tra, rà soát, xây dựng và ban hành các hệ thống quy định cụ thể về việc xử lý chất thải sinh hoạt từ công tác thu gom, phân loại, vận chuyển đến xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước nói chung và địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội.

*Cuối cùng*, cải tiến phương pháp, nội dung và hình thức trong công tác tuyên truyền, phổ biến hệ thống pháp luật về môi trường nói chung và các quy định cụ thể về xử lý chất thải sinh hoạt nói riêng.

### **3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật**

#### **3.3.1. Giải pháp chung**

a) Nhóm giải pháp về thể chế, chính sách

b) Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện



*c) Nhóm giải pháp về nguồn lực*

### **3.3.2. Đề xuất và giải pháp đối với thành phố Đà Nẵng**

(1) Kiến nghị HĐND, UBND thành phố cân đối, bố trí các nguồn vốn ODA vốn tín dụng trong kế hoạch ngân sách hàng năm cho công tác xã hội hoá về môi trường, tạo điều kiện về thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân tham gia sâu rộng vào các loại hình xã hội hóa.

(2) Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao trong tổ chức thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường nói chung và tổ chức xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố. Giải pháp này xuất phát từ vai trò to lớn của khoa học công nghệ đối với môi trường. Hiện nay, khoa học công nghệ đã dần thể hiện được vai trò có ích với môi trường, thân thiện với môi trường và góp phần bảo vệ, cải thiện môi trường. Do vậy, cần tập trung đầu tư nhiều hơn cho hoạt động này. Ví dụ như đẩy mạnh đầu tư cho hoạt động của hệ thống quan trắc, công tác dự báo, cảnh báo về tài nguyên, môi trường trên địa bàn; các hệ thống vận chuyển, tập kết và xử lý tiên tiến, nhằm đưa ra những cảnh báo kịp thời, cần thiết để có thể đưa ra những kế hoạch, biện pháp đúng đắn nhằm ngăn chặn ô nhiễm môi trường sớm nhất.

(3) Đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình điểm về tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn nhằm lựa chọn các mô hình phù hợp để nhân rộng trên phạm vi cả nước. Thúc đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn, để huy động nguồn lực từ tư nhân, xã hội, đề nghị xem xét cho phép thành phố Đà Nẵng cơ chế đặc biệt: Giá dịch vụ đối với chất thải rắn sinh hoạt thu theo đầu người.

(4) Khuyến khích và triển khai nhanh các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong việc xử lý các loại chất thải gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; Sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, năng lượng; Có cơ chế, chính sách ưu đãi những cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; khuyến khích phát triển năng lượng sạch như năng lượng từ gió, điện địa nhiệt, thủy điện; thực hiện phát động mạnh mẽ các chương trình tiết kiệm năng lượng. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng “sản xuất sạch hơn”, nhằm giảm thiểu chất thải sản xuất ra hàng ngày, khắc phục ô nhiễm môi trường một cách tối đa.

(5) Tạo hành lang pháp lý đầy đủ để lực lượng thanh tra chuyên ngành có thể chủ động, linh hoạt trong hoạt động của mình thông qua việc sửa đổi bổ sung Luật thanh tra, trong đó có quy định riêng cho hoạt động thanh tra chuyên ngành đặc biệt là hoạt động thanh tra đột suất không phải báo trước, không bị ràng buộc bởi các quy định về trình tự, thủ tục hoạt động theo các quy chế hoạt động của Đoàn thanh tra, kiểm tra. Xây dựng và ban hành hướng dẫn về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường song song với việc đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm.

(6) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường nói chung, pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt nói riêng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, các kênh thông tin, mạng xã hội chính thống,... với các hình thức và nội dung phong phú: Tuyên truyền qua các ấn phẩm, tập gấp, tờ rơi,...; lồng ghép chương trình phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn vào các hoạt động ngoại khóa, chương trình giảng dạy của các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

(7) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi không phân loại chất thải rắn tại nguồn vào Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm tăng cường hiệu quả trong việc phân loại, thu gom chất thải sinh hoạt trong cộng đồng dân cư.

(8) Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với lực lượng cảnh sát môi trường trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các quy định về Tội phạm Môi trường trong Bộ luật Hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm nhanh chóng đưa các quy định này đi vào cuộc sống.

(9) Trước hết mở rộng hợp tác quốc tế về môi trường trên tinh thần tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các công ước quốc tế mà nước ta đã ký kết, tham gia, đồng thời tiếp thu, truyền bá những kinh nghiệm, cách thức trong bảo vệ môi trường. Tranh thủ

sự hỗ trợ về mặt tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế cho công tác bảo vệ môi trường, như Chương trình phát triển của Liên Hợp quốc, Chương trình môi trường Liên Hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á, Quỹ môi trường toàn cầu... nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường có hiệu quả, phù hợp với mục tiêu bảo vệ môi trường của khu vực và toàn cầu. Trong đó cần chú ý đến các vấn đề như nhập khẩu hàng hóa, thiết bị công nghệ có khả năng ô nhiễm môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát các loại hình dịch vụ được cho phép hoạt động tại các đô thị ở Việt Nam. Việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường giúp cho việc khắc phục những khó khăn, hạn chế vượt khỏi khả năng giải quyết của một quốc gia, một địa phương.

(10) Bên cạnh đó, cần xây dựng một kế hoạch dài hạn, lộ trình hợp lý về hội nhập kinh tế quốc tế, học hỏi kinh nghiệm xử lý chất thải trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường.

### **Kết luận Chương 3**

Để nâng cao hiệu quả thi hành các quy định pháp luật về quản lý chất thải sinh hoạt trên phạm vi cả nước nói chung và tại địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng là một vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi phải có sự phối hợp của các cấp, các ngành cũng như toàn thể người dân, các tổ chức mới có thể mang lại hiệu quả cao nhất.

Tại Chương 3, Luận văn tập trung làm rõ sự cần thiết của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt để đưa ra định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; từ đó đưa ra các kiến nghị cụ thể về vấn đề này cho thành phố Đà Nẵng, cụ thể: Đầu tiên, định hướng nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong công tác xử lý chất thải sinh hoạt. Thứ hai, định hướng hoàn thiện tổ chức thực hiện các quy định pháp luật trong việc xử lý chất thải sinh hoạt bao gồm: *nhóm giải pháp về thể chế, chính sách, nhóm giải pháp về tổ chức và nhóm giải pháp về nguồn lực*. Luận văn cũng đề xuất, kiến nghị các giải pháp tập trung về quản lý các nguồn vốn đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt, mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức của từng cá thể trong xã hội, nhằm giảm thiểu nguy cơ gây hại cho môi trường và một số giải pháp khác.

## KẾT LUẬN

Pháp luật về xử lý chất thải là một phạm trù nghiên cứu rộng, vì vậy Luận văn chủ yếu đề cập đến các vấn đề pháp lý liên quan đến xử lý chất thải sinh hoạt qua thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng. Qua các phân tích, đánh giá và các số liệu thực tiễn và những đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả thi hành các quy định của pháp luật về xử lý chất thải sinh hoạt, tác giả hi vọng có thể đóng góp phần nào vào việc nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt nói riêng cũng như việc quản lý chất thải nói chung trên địa bàn thành phố.

Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, Đà Nẵng đã và đang là một trong những khu vực trọng điểm có tỉ lệ thu hút vốn đầu tư cao nhất cả nước cũng như nước ngoài rất lớn. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển về mặt kinh tế, xã hội thì tình trạng ô nhiễm môi trường do các chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, sinh hoạt, quá trình đô thị hóa... gây ra cũng ngày một gia tăng. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần nghiêm túc xem xét và giải quyết triệt để để bảo vệ môi trường, nâng cao tiêu chuẩn sống cuộc sống của người dân cũng như đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của Đà Nẵng - thành phố đáng sống của Việt Nam./.